

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 26/6/2023

V/v: *Tranh chấp*

Về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Tranh.

2. Bà Kim Linh Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì: Bà Trần Khánh Hương – Kiểm sát viên

Trong các ngày 28/2/2023, 22/6/2023 và ngày 26/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST - DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2023/QĐST – DS ngày 28/02/2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 19/2023/TB – TA ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số nhà 727, đường HV, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Số nhà 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Tạ Gia Lương, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà 169, tổ B, khu T, phường G, thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 20, phố L, phường TS, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3.2. Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3.3. Ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 985, tổ 8A, đường HV, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu Ch, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(Ông H, ông L, Ông T, Ông B có mặt, cụ Đ vắng mặt, Ông Th, Bà Ch đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn ông Phạm Ngọc H trình bày:

Bố ông là cụ Phạm Ngọc H, sinh năm 1940, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1938, bố mẹ ông sinh hạ được 04 người con là: Phạm Ngọc H, sinh năm 1960, Phạm Ngọc Th, sinh năm 1962, Phạm Ngọc T, sinh năm 1969 và Phạm Ngọc B, sinh năm 1970. Bố mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác. Bố ông mất năm 1997, không để lại di chúc, tài sản bố, mẹ ông tạo lập như sau:

Năm 1994, bố, mẹ ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H 80 m² đất (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại băng 1 đoạn A 6 A 7 - đại lộ HV, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và làm 01 ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất trên năm 1994. Ngày 01 tháng 7 năm 1997, UBND thành phố Việt Trì cấp cho mẹ ông Nguyễn Thị Đ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số: E 0233909 tại băng 1 đoạn A 6 A 7 - đại lộ HV, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, diện tích đất 80 m².

Tài sản mẹ ông tạo lập: Năm 2005, mẹ ông cùng em trai ông là Phạm Ngọc T hợp thức 24 m² đất liền kề. Mẹ ông Nguyễn Thị Đ được UBND thành phố Việt Trì cấp lại GCNQSD đất số AB 798518 ngày 02 tháng 02 năm 2005 diện tích 104 m² tại thửa 92, tờ bản đồ số 31; địa chỉ thửa đất tổ 34 A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Mẹ ông cùng Ông Phạm Ngọc T nhiều lần sửa chữa ngôi nhà 3 tầng.

Ông Phạm Ngọc H đề nghị TAND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ giải quyết chia thừa kế tài sản của cụ Phạm Ngọc H là 1/2 đối với tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở do cụ Hồ, cụ Đ tạo lập theo quy định của pháp luật cho mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Đ và 04 anh em ông là H, Th, Tm B. (Tài sản nhà, đất nêu

trên theo GCNQSD đất số AB 798518 ngày 02 tháng 02 năm 2005 mang tên Nguyễn Thị Đ có diện tích 104 m² tại thửa 92, tờ bản đồ số 31; địa chỉ thửa đất tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ). Tài sản ông được chia thừa kế, ông cho em trai là Ông Phạm Ngọc T.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tạ Gia L trình bày:

Ông nhất trí với trình bày của nguyên đơn về thành phần gia đình và xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc H. Năm 1994, cụ Nguyễn Thị Đ và cụ Phạm Ngọc H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H 80 m² đất (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại bảng 1 đoạn A 6 A 7 - đại lộ HV, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Cụ Đ – cụ Hồ làm 01 nhà 3 tầng trên thửa đất trên năm 1994. Ngày 01 tháng 7 năm 1997, UBND thành phố Việt Trì cấp cho cụ Nguyễn Thị Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số: E 0233909 tại bảng 1 đoạn A 6 A 7 - đại lộ HV, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, diện tích đất 80 m².

Tài sản cụ Nguyễn Thị Đ tạo lập:

Năm 2005, cụ Nguyễn Thị Đ cùng con trai là Phạm Ngọc T hợp thức 24 m² đất liền kề được UBND thành phố Việt Trì cấp lại cho cụ Nguyễn Thị Đ GCNQSD đất số AB 798518 ngày 02 tháng 02 năm 2005 có diện tích 104 m² tại thửa 92, tờ bản đồ số 31; địa chỉ thửa đất tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quá trình sử dụng, ngôi nhà 3 tầng của hai cụ đã xuống cấp nên cụ Nguyễn Thị Đ cho Ông Phạm Ngọc T sửa chữa nhiều lần. Ông L đề nghị TAND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ giải quyết:

- Xác định 64 m² đất ở và ngôi nhà 3 tầng được xây dựng từ năm 1994 là quyền sử dụng hợp pháp của cụ Nguyễn Thị Đ.

- Chia thừa kế 40 m² đất ở và ngôi nhà 3 tầng được xây dựng từ năm 1994 là di sản của cụ Phạm Ngọc H theo quy định của pháp luật.

Tài sản riêng của cụ Nguyễn Thị Đ và tài sản được chia thừa kế, cụ Nguyễn Thị Đ cho con trai là Phạm Ngọc T. Đề nghị Tòa án công nhận.

Tại đơn đề nghị ngày 19/4/2023, ông L đề nghị xem xét công sức duy trì bảo quản nhà ở và đóng thuế nhà đất từ năm 1997 đến nay của cụ Nguyễn Thị Đ và vợ chồng Ông Phạm Ngọc T và Bà Nguyễn Thị Thu Ch.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Phạm Ngọc Th trình bày: Bố ông là ông Phạm Ngọc H - sinh năm 1940, mất năm 1997. Mẹ ông là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1938. Bố mẹ ông sinh được 04 người con gồm: Phạm Ngọc H, sinh năm 1960, Phạm Ngọc Th, sinh năm 1962, Phạm Ngọc T, sinh năm 1969 và Phạm Ngọc B, sinh năm 1970.

Bố mẹ đẻ của cụ Phạm Ngọc H là cụ Phạm Ngọc M và cụ Hoàng Thị Th đều đã chết từ lâu, ngoài những người con trên bố ông không còn có con nuôi, con riêng nào khác, cả 04 người con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Trong thời gian chung sống, bố mẹ ông có tạo dựng được khối tài sản là thửa đất diện tích 80 m² tại địa chỉ: Bàng 1 đoạn A6 A7 đại lộ HV, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số E 0233909 ngày 01/7/1997, thửa đất có nguồn gốc năm 1994 bố mẹ ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H. Tài sản trên đất là ngôi nhà 03 tầng trên thửa đất này. Năm 2005, mẹ ông H thiện thủ tục hợp thức 24m² diện tích phần đất tiếp giáp với thửa đất của bố mẹ ông, đã nộp tiền phí sử dụng đất theo quy định của pháp luật và được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 798518 ngày 02/2/2005 mang tên mẹ ông bà Nguyễn Thị Đ, tổng diện tích sử dụng 104m²; địa chỉ thửa đất hiện nay là số nhà 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Tài sản này hiện nay mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Đ đang quản lý sử dụng và vợ chồng, các con Ông Phạm Ngọc T, Bà Nguyễn Thị Thu Ch hiện cũng đang ăn ở, sinh hoạt trên thửa đất này. Khi bố ông là ông Phạm Ngọc H chết 30/06/1997 nhưng không để di chúc. Nay ông Phạm Ngọc H đã khởi kiện mẹ là bà Nguyễn Thị Đ để “ *đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là ngôi nhà và đất bố mẹ ông để lại, tại địa chỉ tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ* ”, quan điểm của Ông Th về giải quyết vụ án như sau:

- Ông Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc H khởi kiện mẹ là bà Nguyễn Thị Đ đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là ngôi nhà và đất bố mẹ ông để lại, tại địa chỉ tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Vì mẹ ông là bà Nguyễn Thị Đ chưa chết nên không được phép yêu cầu Tòa án chia tài sản của bà Nguyễn Thị Đ.

- Ông Th đồng ý phân chia di sản của bố ông là cụ Phạm Ngọc H để lại có trong tài sản chung với mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Đ là quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất có thông tin như trên theo quy định pháp luật.

- Phần di sản mà ông được hưởng của bố ông là cụ Phạm Ngọc H để lại có trong khối tài sản chung với mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Đ ông từ chối nhận di sản và để lại cho mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Đ toàn quyền quyết định và định đoạt.

Ông Phạm Ngọc Th đề nghị vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án và tại phiên tòa xét xử vụ án.

Ông Phạm Ngọc B trình bày: Bố ông là ông Phạm Ngọc H - sinh năm 1940, mất năm 1997. Mẹ ông là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1938. Bố mẹ ông sinh được 04 người con gồm: Phạm Ngọc H, sinh năm 1960, Phạm Ngọc Th, sinh năm 1962, Phạm Ngọc T, sinh năm 1969 và Phạm Ngọc B, sinh năm 1970.

Bố mẹ đẻ của cụ Phạm Ngọc H là cụ Phạm Ngọc Mơ và cụ Hoàng Thị Thê đều đã chết từ lâu, ngoài những người con trên bố ông không còn có con nuôi, con riêng nào khác, cả 04 người còn đều đã trưởng thành và có gia đình

riêng. Trong thời gian chung sống, bố mẹ ông có tạo dựng được khối tài sản là thửa đất diện tích 80 m² tại địa chỉ: băng 1 đoạn A6 A7 đại lộ HV, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ E 0233909 ngày 01/7/1997. Năm 2005, mẹ ông H thiện thủ tục hợp thức 24m² giáp với thửa đất của bố mẹ ông, đã nộp tiền phí sử dụng đất theo quy định của pháp luật và được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 798518 ngày 02/2/2005 mang tên mẹ ông là bà Nguyễn Thị Đ, tổng diện tích sử dụng 104m²; địa chỉ thửa đất hiện nay là số nhà 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Tài sản này hiện nay mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Đ đang quản lý sử dụng và Ông Phạm Ngọc T - cán bộ Cục Thuế tỉnh Phú Thọ và vợ là Nguyễn Thị Thu Chung- Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, hiện cũng đang ăn ở, sinh hoạt trên thửa đất này. Bố ông là cụ ông Phạm Ngọc H qua đời ngày 30/06/1997 nhưng không để di chúc. Nay ông Phạm Ngọc H đã khởi kiện cụ Nguyễn Thị Đ đề “ *đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là ngôi nhà và đất của bố mẹ tôi, tại địa chỉ tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ*”. Quan điểm của ông về giải quyết vụ án như sau:

- Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc H khởi kiện mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Đ đề “ *đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là ngôi nhà và đất bố mẹ tôi để lại, tại địa chỉ tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ*”. Vì mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Đ đang sống trong căn nhà đó mà tuổi đã cao.

- Ông không đồng ý với ý kiến của ông Phạm Ngọc H nêu ở đơn là ngôi nhà đã "nhiều lần sửa chữa"; Vì ngôi nhà bố mẹ ông xây dựng năm 1994 khi gia đình có điều kiện nên ngôi nhà được xây dựng rất cẩn thận có cả tư vấn, thiết kế thi công, giám sát mộc. nên ngôi nhà bền vững theo thời gian chỉ có một số chỗ trong nhà nước sơn tường bị mốc.

- Ông không đồng ý với ý kiến của ông Phạm Ngọc H nêu ở đơn là "*Chúng tôi đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là ngôi nhà và đất bố mẹ tôi để lại*" vì chúng tôi gồm những ai ở đây hay có sự cấu kết giữa ông Phạm Ngọc H và Ông Phạm Ngọc T. Cá nhân ông rất mong muốn mẹ ông được sống khỏe vui về với tuổi già. Chứ mẹ vẫn đang còn sống những năm tháng tuổi già mà con lại đòi chia tài sản thế này là điều đáng xấu hổ.

Ông Phạm Ngọc T trình bày:

Ông T đồng ý với trình bày của ông Phạm Ngọc H, ông Tạ Gia Lương, Ông Phạm Ngọc Th, Ông Phạm Ngọc B về thành phần gia đình. Ông T đồng ý với việc xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc H mà ông Phạm Ngọc H, ông Tạ Gia L trình bày. Đối với việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc H, Ông T

có quan điểm: Ông T đồng ý nhận phần tài sản riêng của cụ Đ cho và phần tài sản thừa kế của cụ Đ và ông H được chia thừa kế tặng cho ông. Ông T đề nghị Tòa án giao toàn bộ tài sản là nhà và đất cho ông sở hữu, sử dụng, ông sẽ thanh toán phần giá trị tài sản thừa kế cho Ông Phạm Ngọc B.

Ông T đề nghị yêu cầu Tòa án xem xét tính đến công sức đóng góp của vợ chồng ông và cụ Nguyễn Thị Đ từ năm 1995 đến nay trong việc tu sửa, bảo quản, duy trì khối tài sản chung của cụ Hồ, cụ Đ. Đối với phần công sức đóng góp và công tu sửa, bảo quản, duy trì khối tài sản chung của cụ Đ và cụ Hồ mà Ông T được hưởng, Ông T đề nghị Tòa án giao cho cụ Nguyễn Thị Đ toàn quyền sở hữu, định đoạt.

Bà Nguyễn Thị Thu Ch trình bày:

Bà là vợ của Ông Phạm Ngọc T (Ông T là con trai thứ 3 của cụ Phạm Ngọc H - Nguyễn Thị Đ). Bà và Ông Phạm Ngọc T sau khi kết hôn ở cùng với bố, mẹ chồng là cụ Hồ và cụ Đ tại số nhà 1406, tổ 34 A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi bố chồng bà là cụ Phạm Ngọc H chết, từ năm 1997 đến nay, vợ chồng bà vẫn ở cùng mẹ chồng là cụ Nguyễn Thị Đ tại số nhà 1406, tổ 34 A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, bà cũng có công sức đóng góp cùng chồng và mẹ chồng duy trì, sửa chữa nhà ở do xây dựng từ năm 1994 đã xuống cấp. Bà đồng ý quan điểm của anh trai chồng là ông Phạm Ngọc H đề nghị chia di sản của cụ Phạm Ngọc H để lại là 40 m² đất ở và ngôi nhà 3 tầng được xây dựng từ năm 1994 (Tài sản nhà, đất theo GCNQSD đất số AB 798518 ngày 02 tháng 02 năm 2005 mang tên Nguyễn Thị Đ có diện tích 104 m² tại thửa 92, tờ bản đồ số 31; địa chỉ thửa đất tổ 34 A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ). Chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho mẹ chồng là cụ Nguyễn Thị Đ và 04 anh em chồng là Hoàn Thành, Tùng, Bách.

Vợ chồng bà có công duy trì, sửa chữa, bảo quản tài sản cùng cụ Đ từ năm 1995 đến nay. Bà Ch yêu cầu Tòa án xem xét tính đến công sức đóng góp của vợ chồng bà và cụ Nguyễn Thị Đ từ năm 1995 đến nay trong việc tu sửa, bảo quản, duy trì khối tài sản chung của cụ Hồ, cụ Đ. Đối với phần công sức đóng góp và công tu sửa, bảo quản, duy trì khối tài sản chung của cụ Đ và cụ Hồ mà bà được nhận, Bà Ch đề nghị Tòa án giao cho cụ Nguyễn Thị Đ toàn quyền sở hữu, định đoạt.

Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử ngày 28/02/2023. Tại phiên tòa ngày 28/02/2023, Ông Phạm Ngọc B xuất trình đơn giải trình đề ngày 22/02/2023 với nội dung không đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá thành lập theo Quyết định số 92/2022/QĐ – ĐG ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì và biên bản định giá ngày 20/12/2022 xác định giá trị quyền sử

dụng đất là 42.000.000đ (*bốn mươi hai triệu đồng*)/m², giá trị của ngôi nhà 03 tầng là 122.500.000đ (một trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Theo Ông B xác định giá trị quyền sử dụng đất là 84.000.000đ (*tám mươi tư triệu đồng*)/m². Giá trị ngôi nhà 03 tầng được tính theo công thức tính như sau: 7.835.000đ x 312m² x 108,31% x 44% = 1.164.970.229đ (*Một tỷ một trăm sáu mươi tư triệu chín trăm bảy mươi nghìn hai trăm hai mươi chín đồng*). Ông B cho rằng việc Hội đồng định giá định giá quá thấp làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, Ông B đề nghị Tòa án định giá lại tài sản theo đúng các quy định pháp luật liên quan.

Tại đơn đề nghị đề ngày 19/4/2023, ông Phạm Ngọc H, ông Tạ Gia Lương, Ông Phạm Ngọc T đồng ý với phương thức tính giá trị quyền sử dụng đất như Ông Phạm Ngọc B đề nghị tại văn bản ngày 22/02/2023 là 84.000.000đ (*tám mươi tư triệu đồng*)/m². Về giá nhà, các ông H, Lương, Tùng đồng ý phương pháp tính giá nhà theo công thức Ông Phạm Ngọc B đưa ra nhưng không đồng ý việc xác định diện tích ngôi nhà để tính giá trị là 312m². Ông H, Ông T, ông L đề nghị xác định diện tích để tính giá trị nhà là 80m² x3= 240m².

Tại phiên tòa ngày 22/6/2023, nguyên đơn ông Phạm Ngọc H, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tạ Gia L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Ngọc T, Ông Phạm Ngọc B thống nhất xác định diện tích để tính giá trị ngôi nhà 03(ba) tầng là 82,5m² x3 = 247,5m² theo số liệu đo đạc thực tế tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2022. Ông Tạ Gia L đề nghị Tòa án giao Toàn bộ phần tài sản riêng của cụ Đ, phần di sản cụ Đ được hưởng và phần thanh toán công sức quản lý, bảo quản di sản cụ Đ được hưởng cùng kỳ phần thanh toán công sức quản lý di sản cụ Đ được Ông T, Bà Ch giao cho sở hữu, định đoạt giao hết cho Ông Phạm Ngọc T sở hữu, sử dụng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, Đại diện VKSND TP Việt Trì đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc H. Chia di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc H là là 40m² đất ở thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trị giá 3.360.000.000đ (*ba tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng*) và 1/2 01 ngôi nhà 03 tầng trị giá 462.157.818đ (*bốn trăm sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm mười tám đồng*) cho các đồng thừa kế là cụ Đ, ông H, Ông Th, Ông T, Ông B theo pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu về việc thanh toán công sức quản lý, bảo quản di sản của cụ Nguyễn Thị Đ, Ông Phạm Ngọc T, Bà Nguyễn Thị Thu Ch. Đề nghị HĐXX xem xét tính công sức quản lý di sản của cụ Đ, Ông T, Bà Ch từ 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) đến 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Giao Ông Phạm Ngọc T được sở hữu, sử dụng 104m² đất ở thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ số tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trị giá 8.736.000.000đ (*tám tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng*) và 01 ngôi nhà 3 tầng trị giá 924.135.038đ (*chín trăm hai mươi tư triệu một trăm ba mươi lăm nghìn không trăm ba mươi tám đồng*). Ông Phạm Ngọc T phải thanh toán cho Ông Phạm Ngọc B kỷ phần thừa kế Ông Phạm Ngọc B được hưởng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Phạm Ngọc H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc H để lại. Bị đơn cụ Nguyễn Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại BLTTDS và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bị đơn cụ Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đại diện theo ủy quyền của cụ Đ là ông Tạ Gia L có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Ngọc Th và Bà Nguyễn Thị Thu Ch vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện quan điểm của mình và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt cụ Đ, Ông Th, Bà Ch.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu chia di sản thừa kế: Cụ Phạm Ngọc H chết năm 1997, ngày 02/11/2022, nguyên đơn ông Phạm Ngọc H có đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Hồ, căn cứ Điều 623 Bộ Luật dân sự, yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện. Tòa án sẽ xem xét giải quyết yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về những người được hưởng thừa kế:

Cụ Phạm Ngọc H và cụ Nguyễn Thị Đ sinh được 04 người con gồm: ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1960, Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1962, Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1969 và Ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1970. Hai cụ không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Năm 1997, cụ Phạm Ngọc H chết không để lại di chúc, bố mẹ đẻ của cụ Hồ là cụ Phạm Ngọc Mơ và cụ Hoàng Thị Thê đều đã chết trước cụ Hồ từ lâu. Căn cứ khoản 1 Điều 651 Bộ Luật dân sự, những người thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm Ngọc H được xác định là cụ Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Ngọc H, Ông Phạm Ngọc Th, Ông Phạm Ngọc B và Ông Phạm Ngọc T.

[2.3] Về di sản thừa kế:

Xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, cụ Phạm Ngọc H và cụ Nguyễn Thị Đ có tạo dựng được khối tài sản là thửa đất diện tích 80 m² tại địa chỉ: số 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú đã được UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số E 0233909 ngày 01/7/1997 đứng tên bà Nguyễn Thị Đ. Năm 2005, cụ Nguyễn Thị Đ tiếp tục hợp thức thêm 24m² đất liền kề và đã được UBND thành phố Việt Trì cấp GCNQSD đất số AB 798518 ngày 02/02/2005 diện tích 104 m² đất ở đô thị thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31 đứng tên bà Nguyễn Thị Đ. Trên đất hiện nay có 01 ngôi nhà 03(ba) tầng xây dựng năm 1994 đã sửa chữa nhiều lần, toàn bộ tài sản trên hiện do cụ Nguyễn Thị Đ cùng với vợ chồng Ông Phạm Ngọc T và Bà Nguyễn Thị Thu Ch quản lý sử dụng. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất và tài sản trên đất, kết quả xem xét thẩm định thể hiện: khi đo thực tế thì ngoài diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) là 104m², hiện cụ Đ còn sử dụng 13,7m² đất liền kề chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện đất trên theo xác minh tại UBND Phường T là đất bằng do UBND Phường T quản lý nên khi xem xét giải quyết vụ án, HĐXX chỉ xem xét giải quyết đối với diện tích được cấp GCNQSD đất, không xem xét giải quyết đối với diện tích đất chưa được cấp GCNQSD đất.

Về di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc H: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có nguồn gốc do cụ Phạm Ngọc H và cụ Nguyễn Thị Đ nhận chuyển nhượng từ hộ ông Nguyễn Văn Đ

68m², sau đó hợp thức thêm 12m² liền kề phía sau. Năm 1997, UBND thành phố Việt Trì đã cấp GCNQSD đất E 0233909 ngày 01/7/1997 đứng tên bà Nguyễn Thị Đ. Căn cứ hợp đồng mua bán nhà ở ngày 06/12/1996, ngoài quyền sử dụng đất, cụ Đ và cụ Hồ còn nhận chuyển nhượng 01 ngôi nhà xây cấp 3, 2 tầng mái bằng diện tích tầng 1, tầng 2 rộng 4m, sâu 10 m = 80m² cùng công trình phụ và bếp. Phía nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định ngôi nhà hiện nay cụ Nguyễn Thị Đ đang quản lý sử dụng được cụ Hồ và cụ Đ xây dựng năm 1994, thời điểm trước khi cụ Phạm Ngọc H chết, mặc dù GCNQSD đất đứng tên cụ Nguyễn Thị Đ nhưng đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của cụ Phạm Ngọc H và cụ Nguyễn Thị Đ nên cần xác định diện tích đất 80m² và ngôi nhà 03(ba) tầng trên đất là tài sản chung của cụ Phạm Ngọc H và cụ Nguyễn Thị Đ. Phần của cụ Hồ là 40m² đất và ½ ngôi nhà 03 tầng trên đất, còn lại là phần của cụ Đ. Đối với diện tích 24 m² đất ở được cụ Đ hợp thức và được cấp GCNQSD đất năm 2005, là thời điểm sau khi cụ Phạm Ngọc H chết nên xác định đây là tài sản riêng của cụ Nguyễn Thị Đ.

Như vậy di sản của cụ Phạm Ngọc H để chia thừa kế được xác định là 40m² đất ở theo giá các đương sự thống nhất xác định 84.000.000đ (*tám mươi tư triệu đồng*)/m² x 40m² = **3.360.000.000đ** (*Ba tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng*) và ½ 01 ngôi nhà 03(ba) tầng. Về việc xác định giá trị của ngôi nhà 03 tầng, tại phiên tòa ngày 22/6/2023, các bên đương sự đã thống nhất xác định diện tích để tính giá trị ngôi nhà là 82,5m² x 3 = 247,5m². Tổng giá trị ngôi nhà 03 tầng được xác định là 7.835.000 x 247,5m² x 108,31% x 44% = **924.135.038đ** (*Chín trăm hai mươi tư triệu một trăm ba mươi lăm nghìn không trăm ba mươi tám đồng*) trong đó ½ giá trị ngôi nhà là tài sản của cụ Đ, ½ giá trị ngôi nhà là di sản của cụ Hồ để chia thừa kế trị giá **462.067.519đ** (*bốn trăm sáu mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười chín đồng*). Tổng giá trị di sản thừa kế là **3.822.067.159đ** (*Ba tỷ tám trăm hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm năm mươi chín đồng*). Phần còn lại gồm diện tích đất 40m² ở và 24m² đất ở cụ Đ hợp thức thêm sau khi cụ Hồ chết tổng là 64 m² đất ở trị giá **5.376.000.000đ** (*Năm tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng*) cùng ½ 01 ngôi nhà 03 tầng, trị giá **462.067.519đ** (*bốn trăm sáu mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười chín đồng*) tổng là **5.838.067.519đ** (*Năm tỷ tám trăm ba mươi tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười chín đồng*) là tài sản riêng của cụ Nguyễn Thị Đ.

[2.4] Về chia di sản thừa kế:

Đối với yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị Đ là ông Tạ Gia Lương, Ông Phạm Ngọc T và Bà Nguyễn Thị Thu Ch về việc đề nghị Tòa án xem xét tính đến công sức đóng góp của cụ Đ và vợ chồng bà Ông T, Bà Ch từ năm 1995 đến nay trong việc tu sửa, bảo quản, duy trì khối tài sản chung

của cụ Hồ, cụ Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai của các đương sự có cơ sở để xác định sau khi cụ Phạm Ngọc H chết, người trực tiếp quản lý di sản của cụ Phạm Ngọc H là cụ Nguyễn Thị Đ và vợ chồng Ông Phạm Ngọc T, Bà Nguyễn Thị Thu Ch. Cụ Đ, Ông T, Bà Ch cũng là người đóng thuế đất hàng năm thể hiện tại các biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do cụ Đ, Ông T, Bà Ch xuất trình. Đối với ngôi nhà 03 tầng trên đất, căn cứ biên bản thẩm định ngày 20/12/2022, xác định ngôi nhà 03 tầng hiện nay cụ Đ, Ông T, Bà Ch đang ở đã được sửa chữa nhiều lần. Tại đơn giải trình ngày 22/02/2023, Ông Phạm Ngọc B cũng xác định: “... Nhà được xây dựng từ năm 1994 và nhiều lần sửa chữa lớn, hàng năm đều sửa chữa nhỏ nên nguyên giá, thời gian sử dụng đều tăng lên...” để làm căn cứ xác định giá trị của ngôi nhà theo phương thức tính giá trị ngôi nhà mà Ông B đề nghị. Ông L, Ông T, Bà Ch có cung cấp bản báo cáo về việc sửa chữa nhà ở và bản kê khai của ông Bùi Ngọc Tuyền là người nhận cải tạo, sửa chữa ngôi nhà 03 tầng. Theo bản báo cáo thể hiện cụ Đ cùng Ông T, Bà Ch có tiến hành cải tạo, sửa chữa ngôi nhà 02 lần vào năm 2010 và 2016. Tổng giá trị của 02 lần sửa chữa là 556.000.000đ (*năm trăm năm mươi sáu triệu đồng*). Ông B cho rằng việc sửa chữa này không có hóa đơn chứng từ nên không đồng ý về giá trị phần sửa chữa là 556.000.000đ (*năm trăm năm mươi sáu triệu đồng*). Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của cụ Đ là ông Tạ Gia L và Ông Phạm Ngọc T trình bày việc kê khai không phải mục đích yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán cho cụ Đ, Ông T, Bà Ch số tiền trên mà là căn cứ xác định Ông T, Bà Ch cùng với cụ Đ có công sức trong việc quản lý duy trì và làm tăng giá trị di sản thừa kế và việc tăng giá trị di sản đã chuyển hóa vào việc xác định giá trị của ngôi nhà 03 tầng theo phương thức tính giá của Ông B nên đề nghị HĐXX xem xét tính công sức đóng góp của cụ Đ, Ông T, Bà Ch theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cụ Đ, Ông T, Bà Ch. Từ những căn cứ trên HĐXX xét thấy cụ Đ, Ông T, Bà Ch có công sức trong việc quản lý, bảo quản, làm tăng giá trị của di sản thừa kế của cụ Hồ từ năm 1997 cho đến nay, việc cụ Đ, Ông T, Bà Ch đề nghị xem xét đến công sức quản lý di sản là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. Yêu cầu của đại diện VKSND TP Việt Trì đề nghị cho Ông T, Bà Ch, cụ Đ được hưởng công sức quản lý di sản với số tiền từ 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) đến 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho cụ Đ, Ông T, Bà Ch được hưởng công sức quản lý, bảo quản di sản với số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) là phù hợp. Theo đó tỷ phần của mỗi người sẽ được hưởng 1/3 số tiền trên. Ông T, Bà Ch đề nghị giao toàn bộ phần thanh toán công sức quản lý di sản mình được hưởng cho cụ Đ sở hữu, định đoạt xét thấy đây là sự tự nguyện của Ông T, Bà Ch nên được HĐXX chấp nhận.

Như vậy phần di sản còn lại của cụ Hồ để chia thừa kế sau khi trừ đi phần thanh toán công sức cho những người quản lý di sản là **3.322.067.519đ** (*Ba tỷ ba trăm hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười chín đồng*) sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế gồm cụ Đ, ông H, Ông Th, Ông T, Ông B mỗi người được hưởng phần di sản trị giá là **664.413.504đ** (*Sáu trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm linh tư đồng*). Ông Phạm Ngọc Th đề nghị giao phần di sản thừa kế của ông được hưởng cho cụ Nguyễn Thị Đ sở hữu, sử dụng. Ông Phạm Ngọc H đề nghị giao phần di sản thừa kế của ông được hưởng cho Ông Phạm Ngọc T sở hữu, sử dụng. cụ Nguyễn Thị Đ đề nghị giao toàn bộ phần tài sản riêng của cụ, phần di sản cụ được hưởng, phần thanh toán công sức quản lý, bảo quản di sản cụ được hưởng cho Ông Phạm Ngọc T sở hữu, sử dụng. Xét thấy yêu cầu của Ông Th, ông H, cụ Đ là hoàn tự nguyện nên được công nhận.

Di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc H là nhà và quyền sử dụng đất nêu trên nêu chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế sẽ không đảm bảo giá trị sử dụng và cũng không đủ điều kiện về diện tích tối thiểu khi tách thửa để được cấp GCNQSD đất theo quy định tại Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12/2014/QĐ – UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ quy định về diện tích tối thiểu của đất ở sau khi được tách thửa. Mặt khác Ông Phạm Ngọc Th tự nguyện tặng cho cụ Đ phần di sản của mình được hưởng, cụ Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Ngọc H tự nguyện tặng cho Ông Phạm Ngọc T toàn bộ phần di sản mình được hưởng, cụ Đ còn tặng cho Ông Phạm Ngọc T phần tài sản của mình và phần thanh toán công sức cho những người quản lý di sản cụ được hưởng nên cần giao toàn bộ thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31, diện tích 104m² đất ở tại địa chỉ số nhà 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trị giá **8.736.000.000đ** (*Tám tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng*) và 01 ngôi nhà 3 tầng trị giá **924.135.038đ** (*Chín trăm hai mươi tư triệu một trăm ba mươi lăm nghìn không trăm ba mươi tám đồng*) cho Ông Phạm Ngọc T sở hữu, sử dụng, Ông T phải thanh toán phần giá trị di sản thừa kế là **664.413.504đ** (*Sáu trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm linh tư đồng*) cho Ông Phạm Ngọc B.

[2.5] Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn ông Phạm Ngọc H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.500.000đ (*chín triệu năm trăm nghìn đồng*) và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên được HĐXX chấp nhận.

[2.6] Về án phí: Cụ Nguyễn Thị Đ, ông Phạm Ngọc H, Ông Phạm Ngọc Th phải chịu án phí đối với phần di sản được hưởng và phần thanh toán công sức quản lý di sản cho Bà Nguyễn Thị Thu Ch, cụ Nguyễn Thị Đ còn phải chịu án phí đối với phần thanh toán công sức quản lý di sản mình được nhận tuy nhiên

cụ Đ, ông H, Ông Th là người cao tuổi nên được miễn án phí. Yêu cầu thanh toán công sức quản lý di sản của Bà Nguyễn Thị Thu Ch được chấp nhận nên Bà Ch không phải chịu án phí sơ thẩm. Ông Phạm Ngọc T, Ông Phạm Ngọc B phải chịu án phí đối với phần di sản mà mình được hưởng và án phí đối với phần thanh toán công sức quản lý di sản cho Bà Nguyễn Thị Thu Ch. Ông Phạm Ngọc T còn phải chịu án phí đối với phần thanh toán công sức quản lý di sản mình được nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ Luật dân sự; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 155, 163, 228, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Phạm Ngọc H.

Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc H là 40m² đất ở thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ số nhà 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trị giá **3.360.000.000đ** (*Ba tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng*) và ½ 01 ngôi nhà 03 (ba) tầng trị giá **462.067.519đ** (*Bốn trăm sáu mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười chín đồng*).

Xác định tài sản riêng của cụ Nguyễn Thị Đ là 64 m² đất ở thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ số nhà 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trị giá 64 m² đất ở trị giá **5.376.000.000đ** (*Năm tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng*) cùng ½ 01 ngôi nhà 03(ba) tầng trị giá **462.067.519đ** (*Bốn trăm sáu mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười chín đồng*) tổng là **5.838.067.519đ** (*Năm tỷ tám trăm ba mươi tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười chín đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền công sức quản lý, duy trì, bảo quản di sản của cụ Nguyễn Thị Đ, Ông Phạm Ngọc T, Bà Nguyễn Thị Thu Ch.

3. Giao cho Ông Phạm Ngọc T được sở hữu, sử dụng 104m² đất ở thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ số nhà 1406, tổ A, phố M, Phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trị giá **8.736.000.000đ** (*Tám tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng*) và 01 ngôi nhà 03(ba) tầng trị giá **924.135.038đ** (*Chín trăm hai mươi tư triệu một trăm ba mươi lăm nghìn không trăm ba mươi tám đồng*) (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Ông Phạm Ngọc T phải thanh toán cho Ông Phạm Ngọc B kỷ phần thừa kế Ông Phạm Ngọc B được hưởng là **664.413.504đ** (*Sáu trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm linh tư đồng*).

Ông Phạm Ngọc T có quyền và trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Ngọc H tự nguyện chịu toàn bộ 9.500.000đ (*chín triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận ông H đã nộp đủ.

5. Về án phí:

Ông Phạm Ngọc H, Ông Phạm Ngọc Th, cụ Nguyễn Thị Đ, Bà Nguyễn Thị Thu Ch không phải chịu án phí sơ thẩm.

Ông Phạm Ngọc T phải chịu 40.576.000đ (*Bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm.

Ông Phạm Ngọc B phải chịu 32.243.000đ (*Ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì;
- Chi cục THA DS TP Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

